

Số: 133 /QĐ-BTTTTHà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2021**QUYẾT ĐỊNH****Về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm****BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG***Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;**Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;**Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;**Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện việc thử nghiệm với phạm vi được chỉ định kèm theo.

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 (ba) năm kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 211/QĐ-BTTTT ngày 09/02/2018.

Điều 3. Tổ chức thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, tổ chức thử nghiệm có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ae*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Trung tâm Thông tin (để ph/h);
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy (để th/hiện);
- Bộ KH&CN, Tổng cục Đ&C (để biết);
- Lưu: VT, KH&CN (12).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Phan Tâm**

PHẠM VI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(kèm theo Quyết định số 133 /QĐ-BTTTT ngày 09 tháng 02 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Thông tin về tổ chức thử nghiệm:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm được quy định tại Quyết định số 684/QĐ-TĐC ngày 22/4/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Địa chỉ: 49 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phạm vi được chỉ định:

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
1	Thiết bị công nghệ thông tin; thiết bị đầu cuối viễn thông kết nối vào mạng viễn thông công cộng	TCVN 7189:2009 TCVN 7317:2003 CFR 47 Part 15 CISPR 22:2008 CISPR 24:2010+A1:2015 QCVN 22:2010/BTTTT QCVN 118:2018/BTTTT CISPR 32:2015/COR1:2016 CISPR 32:2015/AMD1:2019
2	Thiết bị mạng viễn thông	TCVN 8235:2009
3	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình (STB); thiết bị thu thanh, thu hình quảng bá và thiết bị kết hợp; máy thu hình có tích hợp chức năng thu tín hiệu truyền hình số mặt đất DVB-T2 (iDTV)	TCVN 7600:2010 CISPR 13:2009 QCVN 118:2018/BTTTT CISPR 32:2015/COR1:2016 CISPR 32:2015/AMD1:2019
4	Thiết bị đa phương tiện	QCVN 118:2018/BTTTT CISPR:2015/COR1:2016 CISPR 32:2015/AMD1:2019 CISPR 35:2016
5	Thiết bị khoa học, công nghiệp và y tế	TCVN 6988:2018 CISPR 11:2015 CISPR 11:2015/AMD2:2019
6	Thiết bị điện, điện tử	TCVN 7909-4-2:2015 TCVN 7909-4-3:2015 TCVN 8241-4-5:2009 TCVN 7909-4-6:2015 TCVN 7909-4-8:2015 TCVN 8241-4-11:2009 IEC 61000-4-2:2008 IEC 61000-4-3:2010 IEC 61000-4-4:2012

10

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
		IEC 61000-4-5:2014/AMD1:2017 IEC 61000-4-6:2013 IEC 61000-4-8:2009 IEC 61000-4-11:2020 IEC 61000-4-12:2006 IEC 61000-3-2:2014 IEC 61000-3-2:2018 IEC 61000-3-3:2013 IEC 61000-3-3:2017
7	Thiết bị vô tuyến điện ⁽¹⁾	
7.1	Thiết bị thông tin vô tuyến điện	QCVN 18:2014/BTTTT EN 301489-1 V1.9.2
7.2	Thiết bị thu phát vô tuyến điện	QCVN 47:2015/BTTTT ⁽²⁾
7.3	Thiết bị thu phát vô tuyến sử dụng kỹ thuật điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz	QCVN 54:2011/BTTTT EN 300328 (11-1996)
7.4	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz – 25 MHz	QCVN 55:2011/BTTTT ⁽³⁾ EN 300330 V1.2.2
7.5	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz	QCVN 65:2013/BTTTT EN 301893 V1.3.1
7.6	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 25 MHz – 1 GHz	QCVN 73:2013/BTTTT ⁽⁴⁾ EN 300220-2 V2.3.1
7.7	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 1 GHz – 40 GHz	QCVN 74:2013/BTTTT ⁽⁵⁾ EN 300440-1 V1.5.1 EN 300440-2 V1.3.1
7.8	Thiết bị âm thanh không dây dải tần 25 MHz – 2000 MHz	QCVN 91:2015/BTTTT EN 301357-1 V1.4.1
7.9	Thiết bị thông tin băng siêu rộng (UWB)	QCVN 94:2015/BTTTT EN 301489-33 (02-2009)
7.10	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz – 40 GHz	QCVN 96:2015/BTTTT EN 301489-3 (06-2013)
7.11	Thiết bị vô tuyến truyền dữ liệu băng rộng	QCVN 112:2017/BTTTT EN 301489-17 V2.2.1
7.12	Thiết bị DECT	QCVN 113:2017/BTTTT EN 301489-6 V1.4.1
7.13	Thiết bị truyền dẫn vô tuyến cố định và thiết bị phụ trợ	QCVN 114:2017/BTTTT EN 301489-4 V2.2.1
7.14	Hệ thống và thiết bị thông tin vô tuyến và dẫn đường hàng hải	QCVN 119:2019/BTTTT IEC 60945:2002 ⁽⁶⁾ IEC 60945:2002/COR1:2008
8	Pin lithium cho các thiết bị cầm tay (điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay)	QCVN 101:2016/BTTTT ⁽⁷⁾ QCVN 101:2020/BTTTT ⁽⁸⁾ IEC 62133-2:2017

Ghi chú:

- Các mục 1-7, thực hiện tại KTN Biên Hòa, số 7 Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai.

- Mục 8, thực hiện tại KTN Quận 2, Lô C5, Đường K1, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

⁽¹⁾ Chỉ thực hiện ở điều kiện bình thường;

ap

(2) Chỉ thực hiện cho các đài cố định, đài mặt đất, đài di động (hàng hải), đài quảng bá; Giới hạn tần số đo phát xạ giả đến 26,5 GHz;

(3) Chỉ thực hiện cho thiết bị có chức năng phát loại 1 và chức năng thu loại 3;

(4) Chỉ thực hiện cho thiết bị có chức năng thu loại 3;

(5) Chỉ thực hiện cho thiết bị có chức năng thu loại 3 trong băng tần 2400 MHz đến 2483,5 MHz và băng 2446 đến 2454 MHz; Giới hạn tần số đo phát xạ giả đến 26,5 GHz;

(6) Chỉ áp dụng cho các chỉ tiêu tại mục 9 và 10 của IEC 60945:2002;

(7) Áp dụng đối với các chỉ tiêu về đặc tính an toàn mục 2.6 (không bao gồm mục 2.6.2.7) của QCVN 101:2016/BTTTT;

(8) Áp dụng đối với các mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.6 của QCVN 101:2020/BTTTT.

12